

KẾ HOẠCH

Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành văn học Việt Nam năm 2025

Thực hiện quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường ban hành tại Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10/01/2024 (Quy định 91) và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, Trường xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (CTĐT TS) năm 2025. Trường phân công, hướng dẫn đơn vị có liên quan thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Rà soát, điều chỉnh CTĐT TS để phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học, của nhà tuyển dụng và yêu cầu xã hội.

2. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT TS đảm bảo phù hợp với yêu cầu quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo và Quy định 2528/QĐ-ĐHTN ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc phát triển chương trình đào tạo các trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên.

3. Rà soát, điều chỉnh CTĐT TS phải đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT.

II. Nội dung rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS năm 2025

- Rà soát, điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT: đảm bảo rõ ràng, súc tích, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

- Rà soát, điều chỉnh cấu trúc và nội dung CTĐT: đảm bảo các học phần thể hiện đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Rà soát, cập nhật đề cương học phần đáp ứng CDR của CTĐT TS.

- Rà soát, cập nhật bản mô tả CTĐT TS đảm bảo đầy đủ nội dung theo CTĐT TS 2025.

III. Quy định cấu trúc, khối lượng kiến thức của CTĐT

1. Khung chương trình đào tạo áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/	Thực tế CM			
I		Học phần bắt buộc	4								
1											
2											
II		Học phần tự chọn	4								
III		Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ	8								
		Chuyên đề 1	2								
		Chuyên đề 2	2								
		Chuyên đề 3	2								
		Tiểu luận tổng quan	2								
IV		Luận án	80								
Tổng số			96								

2. Khung chương trình đào tạo áp dụng cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kì dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I		Khối kiến thức chung	8 (9)								
1	PHI 513	Triết học ¹	3 (4)								
2	ENG 515	Tiếng Anh	5								
II		Kiến thức cơ sở và chuyên ngành²	24 (23)								
III		Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề tiến sĩ	8								
		Chuyên đề 1									
		Chuyên đề 2									
		Chuyên đề 3									
		Tiểu luận tổng quan	2								

¹ Thiết kế 3 tín chỉ đối với CTĐT ngành Khoa học tự nhiên; 4 tín chỉ đối với CTĐT ngành Khoa học xã hội;

² CTĐT ngành Khoa học tự nhiên thiết 24 tín chỉ; ngành Khoa học xã hội thiết 23 tín chỉ; Thiết kế các học phần giống như khung CTĐT thạc sĩ, không tính chuyên đề.

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
IV		Luận án	80								
Tổng số			128								

Lưu ý:

Chương trình đào tạo tiến sĩ thiết kế 96 tín chỉ đối với người có trình độ thạc sĩ chuyên ngành đúng, 128 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành, trong đó chương trình đào tạo thiết kế đảm bảo:

1. Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.
2. Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ.
3. Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

IV. Kế hoạch chi tiết

TT	Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm dự kiến
1. Lập kế hoạch					
1.1	Trước ngày 12/03/2025	Lập kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS.	Phòng Đào tạo		Bản kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS.
1.2	Trước ngày 17/03/2025	Thành Hội đồng rà soát, điều chỉnh CTĐT TS.	Phòng Đào tạo	Các Khoa	Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, điều chỉnh CTĐT TS.
2. Xác định căn cứ					

2	Trước ngày 24/3/2025	- Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS.	Các Khoa	Phòng Đào tạo	Báo cáo những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về CTĐT TS; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; tham khảo các CTĐT TS của các trường có uy tín trong và ngoài nước; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT TS; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn...
3. Đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá					
3	Trước ngày 31/3/2025	- Đánh giá tính hiệu quả của CTĐT TS đang thực hiện. - Gửi báo cáo cho Ban Chi đạo thông qua Phòng Đào tạo.	Các Khoa	Phòng Đào tạo	Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT TS đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT TS và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật đổi mới CTĐT TS.
4. Dự thảo nội dung cần cập nhật					
4.1	Trước ngày 11/4/2025	Thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CDR.	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Dự thảo mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CDR của CTĐT TS. - Biên bản các lần làm việc của Hội đồng rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS.
4.2	Trước ngày 19/4/2025	Rà soát, điều chỉnh Khung CTĐT TS theo mục tiêu, CDR đã xây dựng.	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Biên bản các lần làm việc của Hội đồng rà soát CTĐT TS điều chỉnh Khung CTĐT.



ĐT OML

					- Báo cáo kết quả điều chỉnh Khung CTĐT TS. - Dự thảo Khung CTĐT
4.3	Trước ngày 19/4/2025	Dự thảo CTĐT TS	Các Khoa	Phòng Đào tạo:	Dự thảo CTĐT
4.4	Trước ngày 25/4/2025	Đối sánh dự thảo CTĐT TS đã xây dựng với ít nhất 01 CTĐT trong nước hoặc quốc tế.	Các Khoa	Phòng Đào tạo KHCN&HTQT	- Báo cáo đối sánh dự thảo CTĐT TS.
4.5	Trước ngày 29/4/2025	Cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần theo CDR các học phần của CTĐT TS.	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Biên bản các lần họp rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương học phần. - Biên họp Hội đồng Khoa thông qua đề cương học phần. - Đề cương học phần.
5. Hoàn thiện CTĐT					
5.1	Trước ngày 5/5/2025	Hoàn thiện CTĐT TS chi tiết.	Các Khoa	Phòng Đào tạo:	Văn bản CTĐT TS chi tiết hoàn thiện.
5.2	Trước ngày 10/5/2025	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thẩm định CTĐT TS chi tiết.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa	Phòng Đào tạo:	- Biên bản họp Thẩm định CTĐT TS chi tiết.
5.3	Trước ngày 15/5/2025	Tiếp thu góp ý của Hội đồng thẩm định.	Các Khoa	Phòng Đào tạo:	- Biên bản tiếp thu góp ý của Hội đồng thẩm định. - Văn bản CTĐT TS chi tiết sau tiếp thu góp ý.
5.4	Trước ngày 20/5/2025	Ban hành CTĐT TS chi tiết.	Hiệu trưởng	Phòng Đào tạo	Quyết định ban hành CTĐT TS chi tiết.
6. Xây dựng bản mô tả CTĐT					
6	Trước ngày 30/5/2025	Ban hành Bản mô tả CTĐT TS.	Hiệu trưởng	Phòng Đào tạo	Quyết định ban hành Bản mô tả CTĐT TS.



ĐS *Qu*

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo: Chủ trì, lập kế hoạch hướng dẫn các Khoa rà soát, cập nhật, điều chỉnh khung CTĐT, chương trình dạy học; xây dựng các mẫu biểu liên quan, ban hành và tổ chức triển khai CTĐT TS; báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch cho Hiệu trưởng.

2. Phòng ĐBCLGD: Phối hợp với Phòng Đào tạo tham mưu công tác xây dựng các mẫu biểu cần thiết trong quá trình triển khai kế hoạch; hỗ trợ kỹ thuật các khoa xây dựng mục tiêu, CDR.

3. Khoa Ngữ văn

- Giới thiệu giảng viên tham gia các Hội đồng rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT.
- Nghiên cứu, triển khai các nội dung liên quan đến công tác rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS theo kế hoạch.
- Hoàn thiện các văn bản, hồ sơ liên quan đến công tác rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS theo yêu cầu.

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính: Chuẩn bị kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các thủ tục thanh quyết toán tài chính.

5. Phòng Quản lý CSVC: Phối hợp với Phòng Đào tạo và Khoa Ngữ văn rà soát cơ sở vật chất phục vụ dạy, học, nghiên cứu để có kế hoạch đầu tư mua sắm tài liệu đáp ứng đổi mới CTĐT.

6. Phòng Công nghệ Thông tin – Thư viện: Phối hợp với các Khoa lập kế hoạch bổ sung tài liệu sách tham khảo, giáo trình phục vụ dạy và học cho giảng viên và sinh viên đáp ứng sự thay đổi về CTĐT.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT TS năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm. Trường yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc. /.

Nơi nhận: *OM*

- Các đơn vị (đề t/h);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT (3).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường

